

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học An Giang

Nguyễn Thị Ngọc Ánh*

* Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Quốc gia, Đại học An Giang

Received: 9/2/2023; Accepted: 13/2/2023; Published: 22/2/2023

Abstract: The development of information technology has opened up opportunities in the innovation of teaching and learning English. In spite of some objective weaknesses, An Giang University has been very successful in applying information technology in teaching and learning English. This helps classes to be more and more learner-centered as well as enhances the quality of teaching and learning in this university.

Keywords: Information technology, English teaching and learning, An Giang University

1. Đặt vấn đề

Đất nước ta đang trong thời kì thời kì hội nhập, đổi mới toàn diện và toàn cầu hóa. Chính vì vậy, việc tiếp nhận những công nghệ mới của nhân loại trong đó có Công nghệ thông tin (CNTT) là điều tất yếu. Đây là yếu tố khách quan để khẳng định sự phát triển của mỗi quốc gia. Chính sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã đem lại cho ngành giáo dục nói chung và việc giảng dạy ngoại ngữ nói riêng ở Việt Nam những thành tựu và đề ra thách thức mới. Công nghệ thông tin hiện nay đã và đang mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học. Nói một cách khác, việc giảng dạy môn tiếng Anh cũng đã có nhiều thay đổi trong cách dạy và học, giúp cho giáo viên và sinh viên tiếp cận dễ hơn với các phương pháp mới tiên tiến nhằm đưa các ứng dụng của mạng xã hội vào quá trình đào tạo, biến quá trình học tập không chỉ bó gọn trong bốn bức tường của lớp học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy nhằm nâng cao tính tự chủ và động cơ học tập của học sinh, sinh viên; và đặc biệt mở rộng khả năng tương tác của người học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy và học

Việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy góp phần to lớn vào việc tạo hứng thú cho sinh viên, do tài liệu được cung cấp bằng nhiều kênh: kênh hình, kênh chữ, kênh âm thanh sống động, khiến cho sinh viên dễ tiếp thu hơn. Nhờ các công cụ đa phương tiện của máy tính như văn bản, đồ họa, hình ảnh, âm thanh, hoạt cảnh... giáo viên có thể xây dựng được bài giảng một cách sinh động hơn và thu hút sự tập trung người

học. Điều này giúp giáo viên dễ dàng thể hiện được các phương pháp sư phạm: phương pháp dạy học tình huống, phương pháp dạy học nêu vấn đề, thực hiện đánh giá và lượng giá học tập toàn diện, khách quan ngay trong quá trình học... tăng khả năng tích cực chủ động tham gia học tập của người học.

Như thế, trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, vai trò người thầy dần dần được thay đổi. Nói một cách khác, người thầy không giữ vai trò trung tâm, mà chuyển sang vai trò là nhà điều phối và hướng tập trung vào đối tượng người học.

Ứng dụng CNTT trong giảng dạy thúc đẩy sự tương tác giữa người dạy và người học, khiến cho bài giảng của giáo viên luôn uyển chuyển, linh hoạt. Internet là kho dữ liệu khổng lồ phục vụ cho việc giảng dạy, giúp giáo viên và sinh viên có thể tìm kiếm và chia sẻ thông tin, nâng cao khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề cho sinh viên.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng CNTT trong dạy và học Tiếng Anh giúp giáo viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng cũng như kiến thức chuyên môn, khả năng diễn đạt Tiếng Anh, khắc phục những hạn chế về phát âm, trọng âm, ngữ điệu ...

Interactive Classroom là một trong những ứng dụng hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ phổ biến hiện nay. Đây là một hệ thống giảng dạy bao gồm bảng tương tác, phần mềm thiết kế bài giảng tương tác, tích hợp sẵn các công cụ giảng dạy, công cụ đánh giá hiệu quả dạy học và thư viện đa phương tiện... Đây là những phần không thể thiếu trong lớp học ngày nay, giúp tạo ra môi trường giao tiếp dạy và học ngoại ngữ một cách tự nhiên, người học có cảm giác như đang giao tiếp với người bản ngữ. Với sự hỗ

trợ của phần mềm và thiết bị này, giáo viên đã nâng cao chất lượng chuyên môn, rút ngắn thời gian thiết kế giáo án, phát huy hiệu quả công tác giảng dạy, xây dựng được nhiều hoạt động tương tác trên lớp, hỗ trợ và kiểm soát tốt hơn học sinh của mình, tối ưu hóa khả năng của từng học sinh. Đồng thời, giúp học sinh tự tin, chủ động, mạnh dạn và tích cực tham gia vào các hoạt động giảng dạy của giáo viên. Đây thực sự là phương pháp giáo dục hiện đại “lấy người học làm trung tâm, thỏa mãn nhu cầu học và tối ưu hóa từng cá thể người học”, qua đó đạt mục tiêu học tốt môn ngoại ngữ, phát triển song song các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết.

Việc ứng dụng CNTT tạo ra môi trường học tiếng tự nhiên, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với giọng chuẩn xác của người bản ngữ, hỗ trợ cho quá trình dạy học thêm hấp dẫn, đạt hiệu quả cao, giúp học sinh có kiến thức kỹ năng giao tiếp với bạn bè, thầy cô, với người ngoại quốc trong và ngoài giờ học.

2.2. Ứng dụng CNTT trong dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học An Giang

2.2.1. Thuận lợi

Để chuẩn bị bài giảng được sinh động, lời cuốn và hấp dẫn, hầu như các giảng viên đều sử dụng phần mềm trình chiếu powerpoint để hỗ trợ. Ngoài ra, trong mỗi lớp học đều có trang bị một máy chiếu hoặc một LCD để giáo viên có thể trình bày bài giảng của mình một cách thuận tiện nhất. Nhờ vậy, sinh viên cảm thấy rất dễ tiếp thu.

Giáo trình hiện tại được sử dụng là giáo trình Pathways dành cho việc giảng dạy sinh viên chuyên ngành tiếng Anh và giáo trình Life dành cho việc giảng dạy sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh. Nội dung giáo trình giúp cho người học có thể phát triển khả năng tư duy phản biện và ứng dụng thực tế. Đặc điểm nổi bật thứ nhất của hai bộ giáo trình là hỗ trợ giảng viên với phần mềm powerpoint được thiết kế sẵn. Giảng viên chỉ cần trình chiếu và giảng dạy. Điều này giúp giảng viên tiết kiệm được rất nhiều thời gian trong việc chuẩn bị bài giảng trước khi đến lớp. Đặc điểm nổi bật thứ hai của bộ giáo trình là phần mềm MyELT. Phần mềm này giúp cho sinh viên có thể luyện tập thêm ở nhà.

Bên cạnh đó, giảng viên còn sử dụng phần mềm LMS (Learning Management System) để quản lý việc học tập của sinh viên như: điểm danh, giao bài tập, chấm bài

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên thường xuyên yêu cầu sinh viên làm việc theo cặp, theo nhóm để luyện tập kỹ năng nói theo chủ đề giảng

viên yêu cầu. Sau đó, sinh viên quay video để nộp. Nhờ vậy, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên trường Đại học An Giang ngày càng tiến bộ.

Khoa Ngoại ngữ của trường được trang bị một phòng Nghe Nhìn (Lab Room) để hỗ trợ cho sinh viên chuyên ngành trong việc học tiếng Anh. Phòng có trang bị đầy đủ máy tính, tai nghe, bảng tương tác ... Phòng Nghe Nhìn tạo điều kiện cho sinh viên được luyện tập kỹ năng nghe nói nhiều hơn, các buổi học cũng trở nên sinh động hơn.

Ngoài ra, trường Đại học An Giang mua bản quyền hàng năm của phần mềm Turn-it-it để khuyến khích tất cả giảng viên có thể sử dụng trong việc kiểm tra tình trạng đạo văn của sinh viên khi học môn Việt. Mỗi giảng viên đều được cấp một tài khoản riêng cũng như tập huấn cách sử dụng phần mềm này một cách hiệu quả nhất. Nhờ vậy, giảng viên gặp rất nhiều thuận lợi trong việc chấm bài và sửa bài cho sinh viên.

Nhắc đến những ứng dụng của CNTT trong việc dạy và học, không thể không nhắc đến khoảng thời gian diễn ra đại dịch Covid-10. Trong thời gian này, để việc học của sinh viên không bị gián đoạn, giảng viên sử dụng phần mềm Meet hoặc Zoom để phục vụ cho việc dạy và học online cũng như kiểm tra, thi cử. Nhờ vậy mà tiến độ học tập của sinh viên không bị gián đoạn.

2.2.2. Hạn chế

Chất lượng Internet ở trường đôi khi chưa đủ mạnh để giảng viên và sinh viên có thể truy cập vào bài học một cách nhanh nhất. Một số khu vực trong trường vẫn không có tín hiệu Internet. Điều này gây trở ngại cho giảng viên trong việc khai thác được bài giảng một cách tối ưu. Bên cạnh đó, vào những lúc có nhiều giảng viên giảng dạy cùng một lúc, họ không thể truy cập được vào phần mềm LMS để điểm danh sinh viên hay xem bài tập sinh viên đã nộp.

Thời kỳ đại dịch Covid bùng phát, việc dạy và học online cũng gặp nhiều khó khăn. Giảng viên phải sử dụng phần mềm Meet hoặc Zoom để tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra, thi cử. Giảng viên không thể kiểm soát được tính trung thực của sinh viên trong quá trình làm bài. Trong quá trình giảng dạy, một số giảng viên cũng như sinh viên ngại mở webcam. Điều này làm giảm tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong giờ học. Bên cạnh đó, giảng viên không thể tổ chức các hoạt động để sinh viên tham gia khiến. Điều này khiến bài học giảm

tính lôi cuốn, sinh viên cũng dễ dàng cảm thấy nhàm chán. Nói một cách khác, giảng viên gặp trở ngại trong việc lấy người học làm trung tâm.

Phòng Nghe Nhìn (Lab Room) vẫn chưa được khai thác một cách triệt để. Một số giảng viên vẫn chưa sử dụng phòng Nghe Nhìn nhiều để tổ chức lớp học vì lo ngại một số trục trặc liên quan đến kỹ thuật sẽ ảnh hưởng đến bài dạy, khiến cho tiết học diễn ra không theo ý muốn.

2.3. Một số đề xuất trong việc ứng dụng CNTT trong dạy và học tiếng Anh tại Trường Đại học An Giang

Nhà trường cần nâng cấp chất lượng hệ thống Wifi mạnh và theo diện rộng để tạo điều kiện cho giảng viên có thể truy cập vào bài giảng dễ dàng hơn, sinh viên có thể tra cứu tài liệu tốt hơn. Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm LMS để quản lý việc học của sinh viên cũng được thuận lợi hơn.

Hiện nay, tình hình dịch Covid cũng đã tạm ổn. Giảng viên có thể kết hợp giảng dạy theo hình thức trực tuyến và trực tiếp để phát huy một cách tối ưu ứng dụng của CNTT trong dạy học tiếng Anh.

Giảng viên cần tham gia tập huấn về cách sử dụng phòng Nghe Nhìn. Bên cạnh đó, trường có thể điều phối một nhân viên kỹ thuật hỗ trợ Khoa trong quá trình giảng viên sử dụng phòng Nghe Nhìn.

3. Kết luận

Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiếng Anh làm tăng hiệu quả của quá trình dạy và học một cách đáng kể. Mặc dù gặp phải một số hạn chế, nhưng trường Đại học An Giang đã rất thành công trong việc tận dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên được tham gia giảng dạy và học tập trong một môi trường tiên tiến, hiện đại. Điều này góp phần làm cho nền giáo dục của tỉnh An Giang có thể theo kịp với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Cái Ngọc Duy Anh, Bảo Khâm, Nguyễn Thị Hồng Duyên, Huỳnh Long Hà, Nguyễn Thị Phương Lan (2016), *Những xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn 125(11):119-134.

[2] Đào Thị Hòa Quỳnh (2020), *Báo cáo chuyên đề Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả dạy học môn tiếng Anh*, Ứng dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ (hungyen.edu.vn).

[3] Ngọc An (2021), *Ứng dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh, Ứng dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh - VnExpress*.

Gợi ý mẫu sơ đồ từ vựng học tiếng Anh..... (tiếp theo trang 5)

2.3.2. Gợi ý thực hiện

Khi làm sơ đồ từ vựng, giáo viên và học sinh có thể tham khảo các gợi ý sau: Chuẩn bị một quyển sổ/ vở riêng để làm sổ ghi ghép sơ đồ từ vựng, có thể đánh danh sách theo bảng chữ cái, thực hiện theo đơn vị bài học hoặc các đề ôn tập để đảm bảo tính hệ thống, tiện lợi cho tra cứu. Giáo viên hướng dẫn học sinh các mục cần hoàn thiện trong sơ đồ từ vựng, cung cấp cho học sinh các đề mục khó hoặc cung cấp các cách tra cứu. Ví dụ: tra cứu phiên âm và nghĩa: từ điển Anh Việt thông dụng, từ điển Lạc Việt, tra cứu từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng gốc: <https://www.thesaurus.com/>; <https://www.ldoceonline.com/>, tra cách kết hợp từ: <https://www.freecollocation.com/>.

Một số đề mục không có nội dung, như từ trái nghĩa... có thể để trống. Khuyến khích đặt câu có chứa từ vựng cần học để tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh. Nếu không, học sinh có thể lựa chọn câu gốc chứa từ vựng làm ví dụ về cách sử dụng của từ.

3. Kết luận

Từ vựng đóng một vai trò quan trọng với việc học

ngoại ngữ. Kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia cũng chú trọng đến kiểm tra, đánh giá kiến thức từ vựng của học sinh trong suốt 12 năm học. Việc sử dụng mẫu sơ đồ từ vựng là một giải pháp giúp học sinh học tập từ vựng chuyên sâu, ôn luyện hiệu quả cho kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia.

Tài liệu tham khảo

1. Alqahtani M., (2015). "The importance of vocabulary in language learning and how to be taught," *International Journal of Teaching and Education*, International Institute of Social and Economic Sciences, vol. 3(3), pages 21-34, September.

2. Elyas T. & Alfaki I., 2014, *English Language Teaching*; Vol. 7, No. 10; 2014 <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1075961.pdf>

3. Lessard-Clouston, M. (2013). *Teaching vocabulary*. Alexandria, VA: TESOL International Association.

4. Richards, J. C. (1976). The Role of Vocabulary Teaching. *TESOL Quarterly*, 10(1), 77–89. <https://doi.org/10.2307/3585941>.